TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày: 16 – 01 – 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xươnne.

Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 241/2018/TLST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2018, về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2018/QĐXXST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2018/QĐST-DS, ngày 25 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1981, địa chỉ: Số 231/5, ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Số 81/1, ấp Số *, xã Đ, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Nơi làm việc: Phòng C, Công an tỉnh S, địa chỉ Số *, đường H, Phường 6, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2018, biên bản hoà giải ngày 21/11/2018 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đoàn Thị L trình bày*:

Vào ngày 03/3/2018 âm lịch (nhằm ngày 18/4/2018 dương lịch), ông Lê Văn T có vay của bà 17 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng để làm kinh tế gia đình, vay không thời hạn, lãi suất tính chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, ông T đóng lãi được 03 tháng, với số tiền 6.000.000 đồng. Ông T có hứa với bà sẽ trả lãi hàng tháng, lãi suất do hai bên thỏa thuận, khi vay tiền ông T có viết biên nhận nợ và hứa đúng 05 tháng sẽ trả vốn và lãi cho bà. Nhưng ông T chỉ trả được lãi 03 tháng, thì ngưng không trả lãi và vốn cho bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc ông Lê Văn T phải trả 17 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 17 x 3.360.000 đồng/chỉ = 57.120.000 đồng) và số tiền vốn 50.000.000 đồng, tổng cộng 107.120.000 đồng. Yêu cầu trả tiền lãi từ ngày 19/7/2018 đến khi xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 1,666%/tháng, trên số tiền 50.000.000đ. Bà không yêu cầu tính lãi đối với 17 chỉ vàng 24K.

**Tại biên bản hoà giải ngày 21/11/2018 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T trình bày:*

Từ năm 2017 đến nay ông có vay tiền và vàng của bà Đoàn Thị L 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào năm 2017 âm lịch (không nhớ ngày tháng cụ thể), vay 07 chỉ vàng 24K, lãi suất 8%/tháng, vay không thời hạn, có làm giấy riêng do bà L giữ, ông đóng lãi đầy đủ đến tháng 10/2018, mới trể 02 tháng tiền lãi.

Lần 2: Ngày 03/3/2018 âm lịch, vay 50.000.000 đồng, vay không thời hạn, lãi suất 8%/tháng, có làm giấy riêng do bà L giữ, ông đóng lãi đầy đủ đến tháng 09/2018, mới trể 03 tháng tiền lãi.

Lần 3: Ngày 03/3/2018 âm lịch, vay thêm 01 lượng vàng 24K, vay không thời hạn, lãi suất 8%/tháng, có làm giấy riêng do bà L giữ, ông đóng lãi đầy đủ đến tháng 10/2018, mới trể 02 tháng tiền lãi.

Đến tháng 9/2018, ông mới ghi gộp lại biên nhận mượn tiền mà bà L đã nộp cho Tòa án, (ghi theo yêu cầu của bà L, để trong giấy ngày 03/3/2018). Tiền lãi trung bình hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng ông đóng đầy đủ, mới trể 2-3 tháng nay.

Việc vay 03 lần vàng, tiền và tính lãi suất 8%/tháng, mà ông đã trình bày nêu trên, không có chứng cứ gì để chứng minh, vì quan hệ quen biết, nên khi làm giấy tờ và đóng tiền lãi, ông không có lưu lại biên nhận. Việc ông vay tiền vàng để làm ăn cá nhân riêng, vợ ông, bà Nguyễn Thị Hồng C, không biết.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà L, ông thừa nhận hiện nay còn nợ bà L 17 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng, ông không có khả năng trả lãi thêm và đồng ý trả hàng tháng cho bà L số tiền 3.000.000 đồng, cho đến khi hết nợ. Còn tiền lãi, ông xin không đóng nữa vì không còn khả năng.

**Tại Tờ tường trình ngày 25/12/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Hồng C, trình bày:* Bà không biết việc vay, mượn tiền giữa ông Lê Văn T với bà Đoàn Thị L, cho đến khi nhận được Thông báo của Tòa án. Trước yêu cầu khởi kiện của bà L, bà không đồng ý cùng với chồng, ông T, trả nợ cho bà L. Bà yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên Tòa, bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng C, vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Tại phiên Tòa, nguyên đơn bà Đoàn Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn trả 17 chỉ vàng 24K, không yêu cầu tính lãi; yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 18/4/2018 đến khi xét xử sơ thẩm, với mức lãi suất 0,833%/tháng. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có giao dịch vay tài sản với nhau và hiện nay bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn 17 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Căn cứ vào biên nhận mượn tiền ngày 03/3/2018 âm lịch (nhằm ngày 18/4/2018 dương lịch) thể hiện nội dung là bị đơn có mượn 17 chỉ vàng 24K và 50.000.000 đồng và thoả thuận đúng 05 tháng sau sẽ trả đủ 01 lần cho nguyên đơn. Như vậy, giao dịch vay tài sản là có thời hạn 05 tháng và không có thoả thuận lãi.

[5] Tuy nhiên, trên thực tế các đương sự đều có tính lãi nhưng không thống nhất với mức lãi suất đã áp dụng, nguyên đơn cho rằng mức lãi suất 1,666%/tháng, còn bị đơn cho rằng mức lãi suất 8%/tháng. Nhưng các đương sự đều không có chứng cứ gì để chứng minh, cho nên được xác định đây là trường hợp có tranh chấp về mức lãi suất. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ

luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất áp dụng để tính tiền lãi là 0,833%/tháng.

[6] Đối với số tiền lãi đã trả: Bị đơn cho rằng tiền lãi trung bình hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng ông đóng đầy đủ, mới đóng trể 2-3 tháng nay, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Ngược lại, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đóng lãi được 03 tháng với số tiền 6.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định số tiền lãi mà bị đơn đã đóng cho nguyên đơn là 6.000.000 đồng.

[7] Tiền lãi trên 50.000.000 đồng được tính như sau:

Thời gian tính lãi: 08 tháng 28 ngày (từ ngày 18/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 16/01/2019).

Mức lãi suất 10%/năm (⇔0,833%/tháng)

Thành tiền: 50.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 08 tháng 28 ngày = 3.720.733 đồng.

Khấu trừ số tiền lãi đã trả 6.000.000 đồng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tiền vốn còn lại: 47.721.000 đồng (đã làm tròn số).

[8] Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và phải chịu lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định*"; và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*"

[9] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 357, 166, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L, buộc ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay 47.721.000 đồng và 17 chỉ vàng 24K (tương đương với số tiền 57.120.000 đồng, tính theo giá vàng 24K 3.360.000đ/chỉ), tổng cộng là 104.841.000 đồng.

[10] Xét trách nhiệm liên đới của vợ, chồng: Nguyên đơn chỉ khởi kiện bị đơn, không có khởi kiện vợ bị đơn, bà Nguyễn Thị Hồng C, để yêu cầu bà C phải có trách nhiệm liên đới đối với khoản vay của bị đơn. Mặt khác, việc bị đơn vay tiền, vàng để làm ăn cá nhân riêng, bà C, hoàn toàn không biết. Do đó, không có cơ sở để xác định bà C cũng phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch dân sự do bị đơn thực hiện với nguyên đơn, theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[11] Về phương thức trả nợ: Bị đơn yêu cầu được trả dần số tiền nợ cho nguyên đơn theo phương thức trả định kỳ hàng tháng trả 3.000.000 đồng, cho đến khi dứt nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn không đồng ý, cho nên, Hội đồng xét xử

không thể chấp nhận phương thức trả nợ của bị đơn đưa ra, tuy nhiên, các đương sự có thể tiếp tục thoả thuận phương thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cụ thể như sau:

- Buộc bị đơn ông T phải chịu 5.242.050 đồng.

- Nguyên đơn bà L không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 280, 357, 166, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị L, buộc ông Lê Văn T phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay 47.721.000 đồng và 17 chỉ vàng 24K (tương đương với số tiền 57.120.000 đồng), tổng cộng là 104.841.000 đồng (Một trăm lẻ bốn triệu, tám trăm bốn mươi mốt ngàn đồng).

2. Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Đoàn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Lê Văn T còn phải trả tiền lãi cho bà L theo mức lãi suất 10%/năm, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà L không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.677.000đ (Hai triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0004358, ngày 05/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách.

- Ông T phải chịu 5.242.050 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn này tính từ ngày Bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Vinh Thắng